

Biểu mẫu 10

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở An Thới Đông

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	700	182	143	195	180
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	589 84.14%	159 87.36%	108 75.52%	173 88.72%	149 82.78%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	99 14.14%	21 11.54%	31 21.68%	22 11.28%	25 13.89%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 1.71%	2 1.10%	4 2.80%	0 0%	6 3.33%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	700	182	143	195	180
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	233 33.29%	63 34.62%	41 28.67%	62 31.79%	67 37.22%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	288 41.14%	66 36.26%	57 39.86%	92 47.18%	73 40.56%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	168 24.00%	48 26.37%	40 27.97%	40 20.51%	40 22.22%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11 1.57%	5 2.75%	5 3.50%	1 0.51%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	689/700 98.43%	177 97.25%	138 96.50%	194 99.49%	180 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	233/700 33.29%	63 34.62%	41 28.67%	62 31.79%	67 37.22%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	288/700 41.14%	66 36.26%	57 39.86%	92 47.18%	73 40.56%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11/700 1.57%	5/182 2.75%	5/143 3.50%	1/195 0.51%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	5/700 0.71%	2/182 1.10%	2/143 1.40%	1/195 0.51%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Chuyển đến	10 1.43%	4 2.19%	4 2.79%	1 0.51%	1 0.55%
b	Chuyển đi	11 1.57%	5 2.88%	3 2.09%	2 1.02%	1 0.55%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.86%	1 0.54%	2 1.39%	3 1.53%	0 0%

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
a	Văn hóa	21	0	0	0	21
b	Khéo tay kỹ thuật	12	2	3	5	2
c	Văn hay chữ tốt	6	0	3	0	3
d	TĐTT	10	2	2	3	3
e	Ong sáng tạo	1	0	1	0	0
f	Nét vẽ xanh	1	0	1	0	0
g	Phong trào Đội TNTP Hồ Chí Minh	14	3	4	3	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	180	00	00	00	180
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	180	00	00	00	180
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	67 37.22%	00	00	00	67 37.22%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 40.56%	00	00	00	73 40.56%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	40 22.22%	00	00	00	40 22.22%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	345/355	99/83	80/63	85/110	81/99
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	01	01	00	00	00

Cần Giờ, ngày 05 tháng 9 Năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Quốc Phong